TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 105 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 10 - 2017
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hiểu**

2. Ông **Lê Văn Quới**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân*** huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Phương Trang**- kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Lê Thị Hồng H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp NN, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

(Có mặt)

2.Bị đơn: Võ Minh N, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp NN, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Lê Thị Hồng V, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Ấp NN, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bà V: Chị Lê Thị Hồng Diệp, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: ấp Ngãi Hòa, xã Hòa Bình, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/8/2017)

(Có mặt)

3.2 NHCSXHVN

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn S, Giám đốc NHCSXHVN-Phòng giao dích TO, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015).

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H và bị đơn anh Võ Minh N thành hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/5/2003. Thời gian chung sống được 13 năm, quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau đó do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau và có lần anh N còn đánh chị, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với bị đơn Võ Minh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Lê Kim X, sinh ngày 22/01/2004 và Võ Lê Minh N, sinh ngày 15/02/2008 hiện đang sống với gia đình, nay chị yêu cầu được nuôi cháu N, anh N nuôi cháu X; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất của cha mẹ chồng trị giá còn lại khoảng 40.000.000đ.

Về nợ chung: Nợ bà Lê Thị Hồng V 2,5 (Hai chỉ năm phân) vàng 24k và 7.500.000đ và nợ NHCSXHVN phòng giao dịch huyện TO số tiền 8.000.000đ.

Chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết phần tài sản và nợ.

Trong bản tự khai ngày 11/8/2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn xác định thời gian thành hôn và có đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc sau này phát sinh mâu thuẩn có lần anh đánh chị H, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau, bị đơn xác định còn thương vợ không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 Võ Lê Kim X, sinh ngày 22/01/2004 và Võ Lê Minh N, sinh ngày 15/02/2008 hiện đang sống với gia đình, nếu yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng V trình bày: Vào năm 2010 -2012 bà có cho N và H vay 02 chỉ 05 phân vàng 24k và số tiền 7.500.000đ mục đích là xây dựng nhà. Nay H và N không còn chung sống với nhau thì bà yêu cầu N và H trả cho bà 02 chỉ 05 phân vàng 24k và số tiền 7.500.000đ

Tại đơn yêu cầu vắng mặt ngày 13/10/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện TO trình bày: Ngân hàng có cho anh Võ Minh N và chị Lê Thị Hồng H vay số tiền 8.000.000đ theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở, hiện số tiền vay của anh N

và chị H chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện TO chưa yêu cầu khởi kiện trong vụ án. Khi đến hạn thanh toán nợ vay mà anh N chị H không thanh toán thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, con chung chị xin nuôi 01 con chung Võ Lê Minh N, cháu Võ Lê Kim X chị thống nhất giao cho anh N nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung chị xin rút yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Anh N không thống nhất ly hôn với chị H, việc chị H đơn phương ly hôn thì tùy do Hội đồng xét xử xem xét. Về con chung anh xin nuôi hết hai con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với bị đơn anh Võ Minh N; con chung tiếp tục giao Võ Lê Kim X cho anh N nuôi dưỡng, buộc anh N giao cháu Võ Lê Minh N cho chị H nuôi dưỡng, anh N và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở. Án phí chị H nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, còn lại 500.000đ hoàn trả chị H. Hoàn trả số tiền án phí bà V đã nộp 393.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H khởi kiện bị đơn Võ Minh N yêu cầu ly hôn, xin nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NHCSXHVN vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt NHCSXHVN theo quy định của pháp luật.

[2].**Về nội dung**:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H và bị đơn anh Võ Minh N thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống H phúc, sau phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cải dẫn đến đánh nhau, hiện anh, chị không còn chung sống với nhau khoảng 04 tháng nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được Tòa án hòa giải giúp đỡ anh, chị đoàn tụ nhiều lần nhưng không đạt kết quả, chị H cương quyết xin ly hôn anh N. Điều này, chứng tỏ rằng mâu thuẩn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh N là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh, chị có 02con chung: Võ Lê Kim X, sinh ngày 22/01/2004 và Võ Lê Minh N, sinh ngày 15/02/2008 hiện đang sống với anh N, xét yêu cầu chị H xin nuôi cháu N, chị để cháu X cho anh N nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp nguyện vọng của cháu X xin được sống với anh N, còn cháu N sống với chị H cháu cũng đồng ý. Việc nuôi con của chị H, anh N vẫn đảm bảo đủ điều kiện về sự phát triển của con chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con

của chị H, tiếp tục giao cháu X cho anh N nuôi dưỡng, buộc anh N giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không xem xét giải quyết là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3]**Về chia tài sản**: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận tài sản chung và nợ NHCSXHVN và nợ bà V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H rút yêu cầu khởi kiện phần yêu cầu chia tài sản chung; NHCSXHVN chưa yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ, bà V rút đơn yêu cầu khởi kiện phần nợ 2,5 chỉ vàng 24k và 7.500.000 đồng đối với anh N, chị H để tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung và nợ. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị H phần yêu cầu chia tài sản chung và đình chỉ xét xử yêu cầu của bà V về phần yêu cầu chị H, anh N trả 2,5 chỉ vàng 24k và 7.500.000 đồng. Các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 800.000 đồng, còn lại 500.000 đồng hoàn trả cho chị H.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Hồng V 393.700 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 227, 228; khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn Lê Thị Hồng H ly hôn bị đơn Võ Minh N.

2. **Về nuôi con**: Giao con chung Võ Lê Kim X, sinh ngày 22/01/2004 cho anh N nuôi dưỡng, buộc anh N giao Võ Lê Minh N, sinh ngày 15/02/2008 cho chị H nuôi dưỡng, anh N và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. **Về chia tài sản**: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia tài sản của chị H; đình chỉ xét xử phần yêu cầu của bà Lê Thị Hồng V về việc yêu cầu anh N và chị H trả 2 chỉ 05 phân vàng 24k và số tiền 7.500.000đ. Các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. **Án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Lê Thị Hồng H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng),* khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 800.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu số 0013992 ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, còn lại 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) hoàn trả cho chị H.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Hồng V 393.700 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm đồng) theo lai thu số 0014051 ngày 15/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đã ký

Nguyễn Văn Điều